**Long Nguyễn**

Sáng tác Hát nói, Phú, Văn tế.

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Hát nói](%22%20%5Cl%20%22bm2)

[Phú](%22%20%5Cl%20%22bm3)

**Long Nguyễn**

Sáng tác Hát nói, Phú, Văn tế.

**Hát nói**

Đây là các thể thơ văn hầu như thất truyền. Trong tinh thần bảo tồn văn học nước nhà, Meta xin biên khảo một loạt bài về Hát nói, Phú, Văn tế để làm thế nào, từ chỗ chưa biết gì, tự các bạn có thể sáng tác được. Mỗi một thể loại, Meta đều có sáng tác 1 bài mẫu để bạn đọc tiện tham cứu. Riêng phú và văn tế, vì tính chất chặt chẽ của nó, mỗi một cặp câu đều đối với nhau, xin dùng dấu chấm phẩy (;) để phân chia 2 câu đi từng cặp. Ví dụ:
Hơn ba mươi tỉnh hội đồng; Dư sáu chục năm huệ dưỡng.
Hoặc:
Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết dựa vào đâu; Thân liều thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất đà nên đống.
Bắt đầu bằng Hát Nói trước nhé!
Thưa các bạn
Nhận thấy trong văn học Việt Nam , bộ môn Hát nói càng ngày càng chìm vào quên lãng. Trước nguy cơ ấy tôi không ngại bỏ thì giờ sưu tầm, tham khảo để cùng các bạn ôn lại thể thơ Hát nói . Gọi là bộ môn thay vì gọi là thể thơ, tôi cũng có dụng ý. Ngày xưa bậc tao nhân mặc khách sáng tác những bài thơ Hát Nói lưu truyền cho tới ngày nay không chỉ để sáng tác vì nghệ thuật mà còn là thú tiêu khiển của kẻ thích chơi trống bỏi.
Kẻ hay chữ thời xưa thường luống tuổi, người hiển đạt cũng như kẻ sách đèn đều đã hoặc đang nhờ cậy vào sự đảm đang tần tảo của hiền nội. Dĩ nhiên dù 1 thời có sắc nước hương trời, thời gian và sự làm lụng vất vả cũng làm cho nhan sắc phai tàn, các cụ đành đi tìm của lạ. Bộ môn Hát nói ra đời từ hồi nào ta không biết chính xác, nhưng bắt nguồn từ duyên do đó.
Ta có thể ví Hát nói như Karaoke ôm bên VN. Cái này thì tôi rành lắm Bạn có thể đi cùng 1 hay 2 người bạn, người được gọi là quản lý sẽ dẫn bạn đến 1 phòng được thiết trí để nghe nhạc, nghĩa là kín và ấm cúng. Cũng vẫn người quản lý dẫn "các em "vô, số em tuỳ theo số khách. Lúc này bạn có thể yêu cầu quản lý cho đổi "em" khác nếu không vừa ý . Sau đó là tới màn uống bia. Bạn không biết uống bia ư? No problem ! Ly của bạn luôn đầy tràn, bạn không uống thì các em, lấy lý do thay đá mới cho lạnh hoặc đá làm loãng bia, đổ ly của bạn vào cái chậu dưới gầm bàn. Chai bia mới cứ khui soành soạch . Chẳng mấy chốc bạn cũng "cạn" 20 lon bia như chơi. Dĩ nhiên các em cũng uống cầm chừng chiều khách. Trong lúc ca hát bạn trả giá cho 1 đêm "chiến đấu". Thoả thuận , bạn có thể chấm dứt ca hát bất cứ lúc nào. Trả tiền bia, tiền tips cho các em lẫn quản lý ($5.00 1 người, kể cả tiền bia tổng cộng khoảng $100.00) rồi chia tay bạn bè, mỗi ông 1 em về khách sạn để "mở mang trí tuệ".
Các cụ xưa cũng thế. Chủ chứa khi có khách lo bắt gà làm thịt, có khi đích thân tiếp khách, có khi phải đi gọi nếu có vị khách khó tính đòi cho được "em" quen. Ăn nhậu, hút thuốc phiện, sáng tác tại chỗ hay đã sáng tác từ trước, đưa cho cô đầu hát. Phải có đàn đáy và trống bỏi. Trống bỏi là cái trống con nhỏ như trống lắc của thợ nhuộm, gõ kêu "tom tom" để giữ nhịp hay tỏ ý tán thưởng. Có câu : Già mà còn ham trống bỏi , chế diễu người già mà dê dẩm. Buồn ngủ thì mỗi cụ 1 em chui vào cái mùng giăng sẵn, tha hồ mà "tom chát". Văn học Việt Nam đã có nhiều áng thơ Hát nói được lưu truyền đến ngày nay, đều phát xuất từ những cuộc ăn chơi như thế. Xin xem phần đọc thêm để thưởng thức các bài Hát nói nức danh thời đó.
Cần giải thích thêm về luật bằng trắc nếu có bạn thắc mắc sao lại có luật lệ nhiêu khê đến thế. Các bạn hẳn rõ, thi ca từ Đường thi, cho đến Hát nói được sáng tác không phải để đọc mà là để ca ngâm. Thi luôn đi đôi với ca. Tiếng sáo sẽ lạc lõng lắm nếu 1 bài Đường thi lỏng lẻo niêm luật. Cũng như vậy, tiếng nhị sẽ ngang phè nếu bài Hát nói sai luật bằng trắc, nhịp trống sẽ ra sao nếu 2 câu thơ không đủ 7 chữ hay câu keo không là 6 chữ? Để dễ hiểu, tôi xin dẫn giải bằng tân nhạc. Tân nhạc khác cổ nhạc ở chỗ 1 bản nhạc phải được sáng tạo cả nhịp điệu, cung âm và cả lời nhạc nữa. Cổ nhạc thì nhịp điệu đã có sẵn, ta chỉ sáng tác lời thôi, ví dụ điệu cò lả, quan họ, trấn thủ lưu đồn, xàng xê, lưu thuỷ hành vân.Thử đọc câu :" Đời tôi cô đơn bao năm qua vẫn cô đơn". Nếu câu này được 1 nghệ sĩ cổ nhạc sáng tác, ông ta chỉ thay lời rồi chú thích : Hát theo điệu Người cô đơn là đủ. Tuy nhiên ông ta phải tôn trọng luật bằng trắc, nếu không đàn cũng sai và người ca cũng chẳng biết ca thế nào nữa. Ví dụ : "Đời tôi cô đơn bao năm qua vẫn đau khổ" thì ca thế nào, đờn làm sao? Cho nên luật bằng trắc và đủ mọi lề luật khác ra đời làm cho những kẻ ngang ngược như tôi phải lận đận lao đao vì nó. Tóm lại, luật là để giữ tấu tức âm điệu . Số chữ hạn chế trong câu là để giữ tiết tức là nhịp. Bây giờ bắt đầu phần đào sâu vào luật nhé.
 **I /- SỰ XUẤT HIỆN CỦA THỂ HÁT NÓI :**
Hát nói xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ thứ 18 nhưng phải đợi đến đầu thế kỷ thứ 19 mới có những tác phẩm lưu truyền đến nay như các tác phẩm của Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát ... Nguồn gốc của thể Hát nói trong văn chương Việt Nam được giải thích bằng những nguyên nhân và các sự việc sau đây :
1- Hát nói là sự phàm tục hoá những thể thánh ca. Trước khi có Hát nói, nói rộng ra là trước khi có những bài hát ả đào hay ca trù, ở nước ta đã có những bài hát cửa đền, cửa chùa, những bài thét nhạc (bài hát có âm nhạc phụ hoạ). Những thể ca trong các dịp tế lễ đó chuyển dần công dụng và được các tao nhân, mặc khách tổ chức ngay trong những cuộc giải trí riêng của họ . Các bài hát ả đào bắt đầu từ đó.
2- Hát nói là sự cụ thể hoá ảnh hưởng của học thuyết Lão - Trang. Xưa kia văn chương Việt Nam về nội dung phải gò bó trong những tư tưởng Khổng Mạnh, về hình thức phải đem theo những qui luật khắt khe, những lối diễn tả nhất định. Cuối thế kỷ thứ 18, do hoàn cảnh rối ren trong xã hội, học thuyết Lão - Trang có cơ hội bành trướng và Hát nói chính là sáng tạo của các nhà nho phóng khoáng, thích tự do, ở đấy họ có thể gửi gấm những tư tưởng, cảm xúc vượt ra ngoài khuôn phép với cách diễn đạt cởi mở, rộng rãi hơn.
3- Hát nói là biến thể của song thất lục bát. Các nhà viết sách thời xưa cho rằng Hát nói là một hình thức biến đổi cu/a thể ngâm Song thất lục bát: Trong hát nói có Mưỡu là những câu thơ lục bát, nhiều câu 7 chữ có vần bằng, vần trắc, có cước vận, yêu vận . Nhưng khi đã phát triển, Hát nói là một thể tài hỗn hợp gồm: thơ, phú, lục bát, song thất, tứ tự, nói lối ...
Trong lối Hát ả đào có nhiều loại như: Dâng hương, Giáo trống, Gủi thư, Thét nhạc thì Hát nói là lối thông dụng và có tính văn chương lý thú nhất.
 **II /- QUY TẮC CỦA MỘT BÀI HÁT NÓI :**
a) Số câu. Hát nói có các loại :
- Đủ khổ gồm 3 khổ , mỗi khổ gồm 4 câu, riêng khổ cuối gồm 3 câu. Đây là thể chính thức của Hát nói. ( Xem thí dụ bài Vịnh Thuý Kiều ở sau).
- Bài Hát nói thiếu khổ dưới 11 câu, thường là chỉ có 7 câu .
-Bài Hát nói dôi khổ thì có khổ dôi ra thường chen vào giữa, số câu nhiều hơn 11 .
Trong bài Hát nói đủ khổ 11 câu được đặt tên như sau :
- Khổ đầu: Câu 1, 2 gọi là Lá đầu; câu 3,4 - Xuyên thưa .
- Khổ giữa: Câu 5, 6 gọi là Thơ; câu 7,8 - Xuyên mau .
- Khổ cuối: Câu 9 là Dồn, câu 10 là Xếp, câu 11 là Keo .
b) Số chữ trong một câu :
- Số chữ trong các câu của bài Hát nói là không nhất định , thường một câu có 7, 8 chữ, câu ngắn có 4, 5 chữ, câu dài 12 tới 18 chữ. Ví dụ:
Quân bất kiến Hoàng Hà chi thuỷ thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi.
Làm chi cho mệt cuộc đời.
Nhưng 2 câu 5, 6 gọi là Thơ thì phải theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn.
c) Vần:
Trong bài Hát nói dùng cả 2 vần, vần bằng và vần trắc. Nếu một câu Hát nói đổi từ vần bằng sang vần trắc hoặc ngược lại thì có yêu vận và cước vận, những câu mang yêu vận là những câu chẵn, trừ câu thứ sáu chỉ có cước vận mà thôi.
Theo luật thì trong mỗi khổ, cước vận của câu đầu và câu cuối phải dùng tiếng trắc, cước vận 2 câu giữa phải dùng tiếng bằng. Yêu vận câu thứ nhì dùng tiếng trắc, yêu vận câu thứ tư thì dùng tiếng bằng . Yêu vận gieo vào chữ cuối đoạn thứ nhì.
d) Luật bằng trắc : Theo luật hiệp vận , cước vận của câu đầu trong mỗi khổ hợp với yêu vận của câu thứ hai, yêu vận của câu thứ hai hợp với yêu vận của câu thứ ba, cước vận của câu thứ ba hợp với yêu vận của câu thứ tư . Hợp đây xin được hiểu là cùng tiếng bằng hay trắc chứ không phải hợp là cùng vần . Những chữ thứ nhất, ba, năm trong mỗi câu Hát nói không cần theo đúng luật bằng trắc ( gọi là nhất tam ngũ bất luận). Ta có:
- Câu 1. t T b B t T
- Câu 2. b B t T b B
- Câu 3. b B t T b B
- Câu 4. t T b B t T
Trong đó không kể những chữ gác ra ngoài luật vì số chữ trong mỗi câu hát là không nhất định . Câu 6 chữ phải theo đúng luật kể trên. Còn những câu dài hơn 6 chữ thì muốn ứng dụng luật này phải chia làm 3 đoạn con, trong mỗi đoạn con, chữ cuối phải theo đúng luật bằng trắc. Những chữ gác ra ngoài không kể, được tuỳ ý sử dụng. Những câu ít hơn 6 chữ thì chia làm 2 đoạn mà đoạn thiếu là đoạn đầu không kể còn 2 đoạn sau thì phải theo đúng luật.
**Thí dụ 1 .** (Chia câu làm 3 đoạn con bằng dấu / )
Đài tước / mở toang / cơn tạo hoá ----------------------- t T b B 0 t T
Phím loan xe / trải mối / cương thường ---------------------0 b B t T b B
Ngán cho Kiều / khi lỡ bước / Sâm Thương ----------0 b B 0 t T b B
Cung đàn nguyệt / dây loan / còn mắc mãi ----------------0 t T b B 0 t T
**Thí dụ 2 .**
Tài tình / chi với -------------------------------------------------------- b B t T
Đau đớn thay / chút phận / hồng nhan ------------------- 0 b B t T b B
Mười lăm năm / đầy đoạ / cõi trần hoàn ----------- 0 b B t T 0 b B
Khôn trọn vẹn / chũ tình / chữ hiếu ----------------------- 0 t T b B t T
**Thí dụ 3 .**
Ta xét thêm bài Hát nói Vịnh Thuý Kiều ( tác giả khuyết danh thế kỷ 19 ) sau đây là bài đủ khổ với 11 câu :
VỊNH THUÝ KIỀU
Khổ đầu :
1- Cơ Trời dâu bể ------------------------------------------------ Lá đầu .
2- Khách hồng nhan xiết kể nỗi gian truân ------------ B
3- Mang tấm son đeo đuổi khách hồng quần ------- B - Xuyên thưa .
4- Lời vàng đá dám lỗi cùng non nước --------------- T
Khổ giữa :
5- Ngọc diện khởi ưng mai thuý quốc -------------------- T - Thơ .
6- Băng tâm tự khả đối Kim lang --------------------------- B
7- Mười lăm năm thương xót kẻ đôi phương --- B - Xuyên mau .
8- Ruột tằm bực đã đành nơi chín suối ----------- T
Khổ xếp :
9- Duyên tái ngộ bởi Trời đâu đem lại ------------- T - Câu dồn .
10- Lứa ba thu một mối rõ ràng ---------------------------- B - Câu xếp .
11- Mới hay con Tạo khôn lường ------------------------- B - Câu keo .
Ta thấy câu đầu không tính vần, các câu sau cứ 2 vần bằng lọt vào giữa khổ ( mỗi khổ 4 câu, khổ cuối 3 câu ), lại 2 câu trắc bắc cầu từ khổ này qua khổ kia và bài Hát nói tận cùng là 1 câu 6 chữ vần bằng . Toàn bài Hát nói trên đều dùng cước vận .
YÊU VẬN: Còn yêu vận thì không bó buộc ( NHẮC LẠI, KHÔNG BÓ BUỘC), có thể là bằng hoặc trắc, đặt ở vị trí không nhất định trong câu .
 Thí dụ 4 .
CÔ ĐẦU TỰ THÁN
Mưỡu (ddầu, kép) :
1- Cùng chung một tiếng tơ đồng
2- Nào ai tích lục tham hồng là ai ?
3- Nghĩ đời mà ngán cho đời
4- Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa ?
Nói :
1- Yêu đào một đoá ----------------------------------------------- Lá đầu .
2- Bấy lâu nay nấn ná chốn Bình Khang -------------------- B .
3- Nghĩ tài tình nên trọng cũng nên thương ------------ B - Xuyên thưa .
4- Ngờ chi nữa mà khách qua đường hờ hững -- T .
5- Lầu bậc ngũ âm êm tưởng những ----------------- T - Thơ .
6- Chọn người tri kỷ khách hay chăng ------------------------ B .
7- Ấy những ai hẹn ngọc thề vàng -------------------------- B - Xuyên mau .
8- Duyên đằm thắm hoá bẽ bàng sao thế nhỉ ? -------- T .
9- Hàng thưa mối phải chăng xấu vía ? ---------------------- T - Dồn .
10- Ngụ tính tình ta kể một đôi câu ------------------------ B - Xếp .
11- Người buồn cảnh có vui đâu ! ------------------------- B - Keo .
Khuyết Danh .
Bài này có thêm 4 câu Mưỡu đầu (kép) . Hai câu lá đầu yêu vận ( vần lưng là trắc : đoá, ná ), 2 câu xuyên thưa yêu vận ( vần lưng là bằng : thương, đường. Các khổ sau cũng lập lại như thế). Ngoài ra, các câu khác vần có cước vận 2 câu bằng lại 2 câu trắc xen kẽ.
**III /- THƠ VÀ MƯỠU TRONG BÀI HÁT NÓI :**
a) THƠ:
Trong bài Hát nói bao giờ cũng có 2 câu thơ hoặc bằng chữ Hán mượn của người xưa hoặc do chính tác giả làm ra viết theo thể ngũ ngôn hoặc thất ngôn. Trong bài Vịnh Thuý Kiều ở trên, 2 câu Thơ chữ Hán lấy ở bài Đề Từ của Phạm Quý Thích. Bài Cô đầu tự thán, 2 câu Thơ 5, 6 do tác giả (khuyết danh) tự làm ra. Vị trí thông thường của 2 câu Thơ là câu 5 và 6, tuy nhiên khi phá cách 2 câu Thơ này có thể đưa lên đầu bài hay đến 1 vị trí khác như trong bài Thuý Kiều lưu lạc ( xin xem PHẦN ĐỌC THÊM) thì 2 câu thơ ở vị trí câu 9 và 10 :
Đoạn tràng mông lý căn duyên liễu
Bạc mệnh cầm chung oán hận trường
( Xin xem toàn bài Thuý Kiều lưu lạc ở cuối bài ).
b) MƯỠU :
Mưỡu (hay mão có nghĩa dạo đầu, introduction) là những câu thơ lục bát mượn trong ca dao hay thơ của người xưa hoặc do chính tác giả làm ra đặt ở đầu bài (gọi là Mưỡu đầu) hay cuối bài nhưng trước câu keo (gọi là Mưỡu hậu). Mưỡu có thể gồm 2 câu ( Mưỡu đơn) hay 4 câu (Mưỡu kép). Bài Vịnh Kiều của Nguyễn Công Trứ dưới đây dôi khổ (dài hơn 11 câu) và có Mưỡu hậu đơn :
VỊNH KIỀU
1- Đài tước mở toang cơn Tạo hoá
2- Phím loan xe trái mối cương thường
3- Ngán cho Kiều khi lỡ bước Sâm Thương
4- Cung đàn nguyệt dây loan còn mắc mãi
(4 câu dôi khổ):
Đêm thanh vắng gọi Vân ngồi dậy
Bức khăn là phong mở nguồn cơn
Đem lời thệ hải minh sơn
Non nước ấy cậy em gánh vác
5-Thơ rằng : Vì hiếu để tình nên chếch mác
6- Chưa duyên mà nợ khéo đa mang
7- Mảnh gương thề soi với khách văn chương
8- Mùi hương ngát cũng nhờ em rơi đến chị
9- Này con tạo ghét ghen chi lắm bấy ?
10- Cái hồng nhan gẫm lại cũng buồn cười (câu xếp)
(2 câu Mưỡu hậu đơn):
Ấy ai trâm quạt thề bồi
Thấu tình hay chẳng hỡi người Liêu Tây ?
11- Trăng già khéo quấy chi ai ? (câu keo)
Nguyễn Công Trứ
***CHÚ Ý :*** Những câu Mưỡu có thể làm sai lạc qui tắc về cước vận đã trình bày ở trên , tuy nhiên, có điều bắt buộc phải theo là : Mưỡu hậu phải tiếp tục vần của câu xếp để chuyển vần sang câu keo ( cười, bồi, người, Tây, ai ở cuối bài) .
Như vậy, về hình thức, phần thi pháp cho biết những qui tắc rất rộng rãi của Hát nói: số câu, số chữ không hạn định ... Thí dụ bài Kỷ niệm cụ Tiên Điền của Nguyễn Đôn Phục ở PHẦN ĐỌC THÊM gồm 59 câu .
**IV/- PHẦN ĐỌC THÊM :**
Thí dụ bài hát nói dôi khổ (59 câu)
BÀI HÁT KỶ NIỆM CỤ TIÊN ĐIỀN
Hát mưỡu :
Mấy hàng cẩm tú văn chương Yêu hoa dở khúc đoạn trường ngâm hoa Chúng ta nay nguyện với trăng già Còn non còn nước quốc hoa còn dài Hát nói: Bắc phương nhất đại giai nhân lục Nam hải thiên thu quốc sĩ văn Đau đớn thay là cuộc phong trần Mà bạch diện với hồng nhan sao khéo khéo Ngẫm kim cổ trong vòng thế đạo Trai thờ vua chi khác gái thờ chồng Tiếc cho ai nền băng tuyết chất phỉ phong Cơn gia biến lạ lùng trêu cợt Chàng với thiếp để mối tình thưa thớt Mười lăm năm khôn xiết nỗi ba đào Gớm thay cái số hoa đào Nghề mụ Tú học sao cho được Chùa chị Hoạn ngỡ phúc duyên chăng tội ác Kiệu anh Từ thôi phú quí cũng phù vân Thôi thôi đừng ngậm ngụi mãi cho thân Đành chữ hiếu muôn phần trọn vẹn Cuộc nhân thế vì bể dâu nên chuyện Ai ơi xem lịch sử cụ Tiên Điền Phấn vua Lê trang điểm đó là duyên Tay chúa Trịnh cầm quyền thì cũng nợ Quân Bắc viện , Đông đô khi vỡ lỡ Lửa Tây Sơn, Nam luỹ lúc kinh hoàng Mây Tràng thành xa cách mặt quân vương Nghìn dặm những đoái thương chiều tuyệt tái Chém kẻ gian tà gươm thụt lưỡi Đền ơn quân phụ khối mang tình Chốn lâm toàn lạc lối kẻ thư sinh Âu cũng lấy đôi chữ trung trinh làm bổn phận Khi trong nguyệt cung cầm ngơ ngẩn Khi dưới hoa vơ vẩn nước cờ Cảnh hoàng hôn khi thỏ ác lần lừa Hồn cố quốc khi đỗ quyên thúc giục Dở đến tập phong tình cổ lục Khóc cho ai mà lại khóc cho ai Thương ôi sắc nước hương trời Thân trinh bạch cũng mai mà cũng tuyết Cũng một lối tài tình oan nghiệt Bút tài hoa nên điểm xuyết chuyện trăng hoa Thác ra lời bạc mệnh xót xa Mắng những thói buồn đơi xỏ lá Nhắm mắt đánh nhau cùng tạo hoá Nặng lời trao lại với non sông Cuộc bể dâu trông thấy đã đau lòng Tài thế nhỉ mà tai là thế nhỉ Cho mới biết chữ hiếu, chữ trung là chữ quý Kiếp phù sinh chi kể giấc chiêm bao Ta khen người thục nữ chí cao Mà tâm sự đấng văn hào ta phải nhớ Điểm giọt máu chuốt nên vần quốc ngữ Lúc canh khuya nghe gõ tiếng chuông vàng So oán ân trong kiếp đoạn tràng Bảo cho biết thiện căn là lạc quốc Âm cực dương hồi, cơ duyên sau trước Đem văn chương mà cảnh giác cho ta Niệm nam mô ông Phật chùa nhà ! Nguyễn Đôn Phục Một thí dụ về sự vô hạn định số chữ trong câu thơ Hát nói :(Câu 7, gọi là xuyên mau dài 24 chữ). Giả Cách Điếc
Trong thiên hạ có người giả điếc, Khéo ngơ ngơ ngác ngác ngỡ là ngây, Chẳng ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cày, (1) Rở lối điếc, để sau này em út học Toạ trung đàm tiếu nhan như mộc, Dạ bán phan viên thủ tự hậu (2) Khi vườn sau, khi ao trước, khi điếu thuốc, khi miếng trầu, khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lẩy một đôi câu;(3) Tỉnh một lúc, lâu lâu rồi lại điệc Điếc như thế, ai không muốn điếc ? Điếc như anh dễ bắt chước ru mà ! Hỏi anh, anh cứ ậm à.
o0o
(1) Con trâu hễ người đi cày bảo "họ" thì nó đứng lại ngay (ddược nghỉ), trong khi bảo "cày" thì nó lại cứ ỳ ra làm như chẳng nghe thấy gị
(2) Ngồi giữa đám nói cười thì mặt ngây như gỗ; Nửa đêm thì tay lần mò như con khị
(3)Đây là 1 tiêu biểu cho sự vô hạn định số chữ trong câu thơ hát nọi câu thứ 7 (xuyên mau)dài 24 chữ , chỉ cần chữ cuối theo vần câu thứ 6(thơ).

**Một bài hát nói trào lộng.**Diễu thầy đồ Cổ Nhuế
Thầy đồ Cổ là người tài bộ Quẩy cầm thư đi giáo thụ phủ Vĩnh Tường Trước nha môn thiết một học đường Dạy dăm đứa chi hồ dã giả Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ Ra hồ sen xem ả hái hoa Ả hớ hênh ả để đồ ra Đồ trông thấy đồ ngâm ngay tức khắc
Phong tiền lạn mạn hoa sinh sắc ! ( trước gió phất phơ hoa nẩy sắc )
Thuỷ diện vi mang bạng thổ thần ( một dòng thấp thoáng hến thè môi )
Đồ ngâm rồi đồ đứng tần ngần Đồ nọ tưởng đồ kia thêm thắc mắc Suốt năm canh , đồ nằm biếng nhắp , Những mơ màng đồ nọ tưởng đồ kia Đồ đâu gặp gỡ làm chi ! ...
Ứng dụng: Cuối cùng là phần lý thú nhất của bài biên khảo. Nắm vững quy luật Hát nói rồi, chúng ta hãy ứng dụng vào trong thơ hiện đại. Đây là bài thơ của Tử Ngôn :
Trăng Giữa Tháng Mảnh trăng nhỏ nằm nghiêng bên mành trúc Giống giận hờn, như khúc nhạc thở than Ngồi bên nhau cùng tơ tưởng mơ màng Anh em đó, nửa vầng trăng giữa tháng . Mảnh tình hờ em gác nặng vai anh Kề môi hôn cho ấm đượm ân tình Để nhung nhớ giết dần trăng giữa tháng Và cô độc làm úa cánh môi xinh . Chiều bên em nắng đang liếc mắt nhìn Hoa hồng nở chẳng ai thèm, muốn hái Chỉ có anh một vì sao xa mãi Muốn ươm đầy nhuỵ ngọt của hoa em ... Sau đây tôi xin hoán chuyển sang Hát nói : Trăng Giữa Tháng Mảnh trăng nhỏ nằm nghiêng bên mành trúc Giống giận hờn, như khúc nhạc thở than Ngồi bên nhau cùng tơ tưởng mơ màng Anh em đó, nửa vầng trăng giữa tháng . Vân lâu bán khai bích tà bạch (1) Ngọc luân trát lộ thấp đoàn quang Mảnh tình hờ em gác nặng vai chàng Để nhung nhớ giết dần trăng giữa tháng . Và cô độc làm cánh môi xinh khô hạn Xót đời hoa chờ tay hái chẳng ai thèm Chỉ tình anh ngọt nhuỵ em **Chú Thích :**(1) Tường bạc hững hờ cung mây hé
Vành ngọc ngộp sương bóng ướt đầm - Hai câu này không đòi hỏi phải là Hán Văn, Việt văn cũng được nhưng phải là thơ 7 chữ .
Anh Phạm Doanh, một nhà thơ và cũng là 1 nhà khảo cứu về văn học Việt Nam đã làm bài Tương tư theo thể Hát nói để đóng góp vào trong bài viết này :
Tương tư . Hát Mưỡu : Tương tư từng sợi đan dài Giọt buồn đọng lại bờ vai muộn phiền Về đi, về cố tìm quên Chuyện tình mờ mịt trong miền cát bay Hát Nói : Mười năm đã chia tay ngày ấy Mà bây giờ còn tấy vết thương Ta và em mỗi đứa một con đường Kỷ niệm cũ vấn vương hoài tâm tưởng Ta lưu lạc đời vô định hướng Em về đâu ? sung sướng, khổ đau ? Có những đêm sau cơn rượu nát nhàu Ta tuyệt vọng, ta ôm đầu, ta khóc Rồi năm tháng chuyển màu trên mái tóc Vùng rong rêu bám chặt cả tâm hồn Ngoài kia trời lại mưa tuôn .
Phạm Doanh
Và đây là một bài thơ lục bát của một bạn gốc Nha Trang được tôi chuyển sang thể Hát Nói :
NHA TRANG Quê em cát trắng thuỳ dương Dòng sông trôi nhẹ vấn vương chữ tình Luỹ tre , xanh ngát bên dình Thông reo với gió xinh xinh bầu trời Biển xanh trao nhẹ lời mời Hiền lành hiếu khách , lòng người miền Trung Người di ,kẻ ở thuỷ chung Lòng người xa xứ nhớ mong quê nhà . Chuyển sang Hát Nói : NHA TRANG Biển xanh cát trắng Đây quê em miền nắng thuận mưa hoà Có dòng sông, dừa rũ bóng la đà Khi gió thổi là ngàn thông vi vút tiếng Ngang tàng Cầu Đá đâm toạc biển Sừng sững Tháp Bà chọc thủng trời Dừng chân đây nhé viễn khách ơi Trong tiếng sóng thiết tha lời mời gọi Dù vui chân đường sông hồ vạn lối Thân tha phương nhưng tâm tại cố hương Nha Trang quê cũ mến thương . Meta
Bạn thấy chưa ? Bình cũ đựng rượu mới dù không thêm hương vị nhưng cũng mặn môi đặm lưỡi . Ý hiện đại lồng trong thể thơ cũ cũng mang lại ít nhiều mới lạ .
Ngày xuân muôn hoa khoe sắc màu, gió xuân hây hây, tình xuân phơi phới, ý xuân bàng bạc nơi nơi . Nắm vững quy luật về thể thơ Hát nói, ngần ngại gì bạn cùng tôi không lấy giấy bút, chẳng giấy hồng tiên, mực tàu lỉnh kỉnh, giấy trắng bút Bic cũng được, thảo vài câu Hát Nói gọi là đầu xuân khai bút . Không trà thì rượu, chẳng câu đối cũng vài bài Hát Nói mừng xuân .
Đời người xuân đến được bao lẩn Không câu đối tết tủi lòng xuân Khai bút dăm ba câu Hát nói Nhớ người thiên cổ hỡi thế nhân
Metamorph.
Nếu các bạn chưa chán, vài ngày nữa Meta xin nói về Phú và Văn Tế. Dĩ nhiên Meta cũng sáng tác vài bài mẫu.

**Long Nguyễn**

Sáng tác Hát nói, Phú, Văn tế.

**Phú**

Vậy thì Meta sẽ viết tiếp bài về Phú, Văn tế, cuối cùng là Lẩy Kiều. Có cách nào bỏ loạt bài này vào trong thư viện sách truyện được không? Trả lời câu hỏi có phải Hát nói thoát thai từ phú không, thì thưa không. Hát nói thoát thai từ song thất lục bát do các văn nhân thi sĩ thích ăn chơi hồi đầu thế kỷ 19 chế biến ra. Phú thì bắt nguồn và biến thể từ hát Sở Từ thời thượng cổ dùng để hát khi cúng tế hay nghi lễ triều đình. Hát nói và Phú hoàn toàn khác nhau.
**Quy ước Meta:** Từ bây giờ các bài phú, văn tế đều trình bày theo thể 2 câu đối nhau phân định bằng dấu chấm phẩy rồi mới xuống hàng. Ví dụ:
Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nọ**;** Xác nào ra đầu thú hôm "nay".
-Đã thề nguyền hết sức đánh "Tây"**;** Đâu sợ chết cúi mình theo "giặc".
Luôn luôn mỗi xuống hàng là 1 cặp câu đối nhau.
Phú.
I - PHÚ
Chúng ta khi có trí khôn, phán đoán đầu tiên là phàm mọi sự việc trên đời chỉ gồm 2 giá trị là không và có . Lúc nằm nôi ta khóc đòi sữa . Khi nắm chắc bình sữa mẹ trao, ta nín khóc vì ta biết ta có . Giật bình sữa ra, ta khóc ngay vì ta mất, nói khác đi , vì ta không có . Lớn lên, sự việc không còn đơn giản nữa . Giữa không và có phải có 1 giá trị thứ ba nữa vì nó không hẳn là không mà cũng không hẳn là có . Một tù nhân cải tạo, suốt một ngày lao động khổ sai, chỉ được lưng chén cơm và chiều về thì nhịn đói . Nếu ta hỏi : Anh có được ăn cơm chưa ? Trả lời có cũng chẳng đúng mà trả lời không cũng chẳng đúng . Trong ngành sinh vật học có những sinh vật nằm chính giữa ranh giới của động và thực vật : Loài vi khuẩn có thể tổng hợp ánh sáng như thực vật để tạo dinh dưỡng tự nuôi cơ thể mà cũng vừa có khả năng dời chỗ bằng những chức năng chuyên trách về di chuyển . Có những loại nguyên sinh động vật tự di chuyển được nhưng cũng có diệp lục tố để tự tổng hợp quang học trong tiến trình tự dinh dưỡng . Lại có những loại động vật không có khả năng di chuyển như san hô, suốt đời nằm một chỗ . Lại có những loại nằm giữa sống và chết như vi trùng : Trong môi trường thích hợp, vi trùng có khả năng sinh sản như một sinh vật nhưng nếu không có điều kiện thuận lợi, vi trùng chỉ là 1 vật thể không sự sống .
Trong văn học, ta thường phân loại những tác phẩm thành thơ và văn . Văn thì không có vần luật bằng trắc và thơ thì ngược lại . Đời sống mầu nhiệm ở sự muôn mầu muôn vẻ . Văn học cũng thế, thiên hình vạn trạng . Nếu chỉ có hai loại thơ và văn không thôi, hoá ra văn học đơn giản lắm sao ? Chúng ta cũng có những thể loại gọi là văn cũng không được mà gọi thơ cũng chẳng xong . Đó là Phú và Văn Tế .
Phạm Đan Quế trong tập biên khảo về lẩy Kiều định nghĩa như sau :
- Phú vốn là một thể văn vần bắt nguồn từ thơ cổ không bắt buộc phải có đối . Nếu thơ thiên về tả tình thì phú thiên về tả cảnh nhưng vì cách đặt câu của phú khác với thơ nên thành ra một thể riêng . Dần dần, phú bị chia làm hai thể rõ rệt :
a) Phú có thể theo lối xưa (trước thời nhà Đường) không hạn định dài ngắn, niêm, đới, thanh âm chí cốt để gieo vần là đủ . Lối này thường có Sở Từ( có dùng chữ hề), tứ tự, lưu thuỷ ...
Loại Phú cổ (trước nhà Đường) thiên về văn xuôi, không mẹo luật tương đối dễ . Meta xin lướt qua bằng 1 bài phú cổ có tên Đồng Tước Đài Phú của Khổng Minh Gia Cát Lượng :
Đồng tước đài phú .
Tòng minh hậu dĩ hi du hề
Đăng tầng đài dĩ ngu tình
Kiến Thái Phủ chi quảng khai hề
Quan Thánh đức chi sở dinh
Kiến cao môn chi tha nga hề
Phù song khuyết hồ Thái thanh
Lập trung thiên chi hoa quan hề
Liên phi các hồ Tây thành
Lâm Chương thuỷ chi trường lưu hề
Vọng viên quả chi tư vinh
Lập song đài ư tả hữu hề
Hữu Ngọc Long dữ Kim Phượng
Lãm Nhị Kiều ư đông nam hề
Lạc triêu tịch chi dữ cộng
Phủ Hoàng Đô chi hoành lệ hề
Khám vân hà chi phù động
Hân quần tài chi lai tuỵ hề
Hiệp Phi Hùng chi cát mộng
Ngưỡng xuân phong chi hoà mục hề
Thính bách điểu chi bi minh
Vân thiên tuyên kỳ ký lập hề
Gia nguyện đắc hồ song sinh
Dương nhân hoá vu vũ trụ hề
Tận túc cung vu Thượng kinh
Duy Hoàn, Văn Chi vi thịnh hề
Khởi túc phương hồ thánh minh
Hưu hỹ! Mỹ hỹ!
Huệ trạch viễn dương
Dực tá ngã hoàng gia hề
Ninh bỉ tứ phương
Đồng thiên địa chi qui lượng hề
Tề nhật nguyệt chi huy quang
Vĩnh quý tôn nhi vô cực hề
Đẳng quân thọ ư Đông hoàng
Ngự long kỳ dĩ yêu ngao hề
Hồi loan giá nhi chu chương
Ân hoá cập hồ tứ hải hề
Gia vật phụ nhi dân khang
Nguyện tư đài chi vĩnh cố hề
Lạc chung cổ nhi vị ương !
ooOoo
Trên đây là phú cổ trước thời nhà Đường . Ta thấy tuy rằng có vần nhưng số chữ trong câu không nhất định và nhất là đọc lên nghe rất ngang tai vì cũng chẳng có bằng trắc chi hết . Văn học Việt nam hiếm thấy loại phú này . Meta nhắc đến thể phú này để tiện tham khảo cho đầy đủ thôi . Xin phép miễn dịch Nôm vì không nằm trong mục đích bài này .
b) Phú Đường luật được các thi gia đời Đường về sau thường dùng . Phú Đường luật không những có vần mà phải có đối, đúng luật bằng trắc và theo một khuôn khổ nhất định . Đây là thể Phú thông dụng nhất tại Việt Nam ta .
Hãy tập trung vào việc nhận xét loại Phú Đường luật , qui tắc và mẹo luật của nó .
**VẦN TRONG PHÚ ĐƯỜNG LUẬT** : Có nhiều cách gieo vần như sau :
a) Độc vận : Toàn bài, từ đầu chí cuối chỉ dùng một vần . Xin tham khảo bài Gia Định thất thủ phú của cụ Phan Văn Trị , dùng độc vận ở cuối bài .
b) Liên vận : Bài phú có nhiều vần liên tiếp .
c) Hạn vận : Bài phú bắt buộc phải theo đúng thứ tự các chữ trong một câu cho sẵn để làm vần cho đủ, không được gieo vần khác vào .
d) Phóng vận : Vần nào cũng được .
Bài phú có nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều liên, mỗi liên có hai vế đối nhau . Vần phải gieo vào cuối vế thứ nhì, tức là vần ở cuối liên .
**CÁCH ĐẶT CÂU** : Tuỳ theo số chữ và cấu tạo, ta có 5 lối :
a) Tứ tự : Mỗi vế có 4 chữ . Ví dụ :
Về Thuý Kiều : Tài sắc gồm hai, phong lưu rất mực .
Về Thúc Sinh : Thanh khí lẽ hằng, hoa khôi tiếng mộ .
b) Bát tự : Mỗi vế 8 chữ chia thành 2 đoạn bằng nhau . Ví dụ :
- Bàn vày điếm nước, hoạ đàn đường tơ; Bầu tiên rót rượu, câu thần nối thơ .
- Mà gầy như mai, mà buồn như cúc; mà chau đôi mày, mà vò chín khúc .
c) Song quan : Mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đi liền một mạch . Ví dụ :
- Cùng nhau vàng đá mấy lời; Dám tiếc tóc tơ một mối .
- Kiếp phong trần đã đến thế thì thôi; Nợ oanh yến phải lấy thân mà trả .
d) Cách cú : Mỗi vế chia thành hai đoạn dài ngắn khác nhau . Ví dụ :
- Chẳng ngờ gã Giám Sinh, phong tình là đứa; chung lưng con mụ Tú, buôn bán quanh năm .
- Kiếp má hồng toan trả Trời xanh, sực thấy mấy câu thần mộng; Doành nước biếc nổi cồn sóng bạc, thân thương đến khách tri âm .
e) Hạc tất (hay gối hạc) : Mỗi vế có từ 3 đoạn trở lên . Ví dụ :
- Trên tường gấm, ơn lòng quân tử, mơ quạt đổi trao; Dưới lầu son, vắng mặt tri âm, vò tơ bối rối .
- Giây phút tớ thầy chẳng tới, già Tú ơi, vùi dập sao nỡ đang tay; Khéo đâu như báo đến lời, Sở Khanh hỡi, nông nỗi nước này cũng lạ .
**LUẬT BẰNG TRẮC** :
a) Những chữ ở cuối mỗi vế phải theo luật bằng trắc là : Chữ cuối ở vế trên trắc thì chữ cuối ở vế dưới bằng hay ngược lại . Ví dụ :
- Thanh khí lẽ hằng (B); Hoa khôi tiếng mộ (T) .
- Ngày xuân mưa gió càng nồng(B); Đêm xuân đi về lắm độ (T).
- Trăm năm tính cuộc (B); Muôn sự tại Trời (B) .
- Cho thanh cao phần thanh cao mới được(T); Bắt phong trần cũng phong trần như ai (B) .
b) Trong một vế có nhiều đoạn nhỏ thì chữ cuối của mỗi đoạn nhỏ ở trước, gọi là chữ đậu câu, phải nghịch thanh với chữ cuối cùng của vế ấy . Nghĩa là chữ cuối của vế là bằng thì các chữ đậu câu (chữ cuối của các đoạn nhỏ) trong vế ấy phải là trắc hay ngược lại . Ví dụ :
- Được một vài phân (B), lan huệ một nhà sực nức (T); Có ba trăm lạng (T), yến oanh ngoài cửa xôn xao (B) .
- Chàng Thúc lấn ra (B), thở thở than than (B), tình ấy muôn cam chịu bạc (T); Tiểu thư chợt đến (T), cười cười nói nói (T), lạ cho cái giống nhà ghen (B) .
**CÁCH BỐ CỤC MỘT BÀI PHÚ** :
Nếu như trong bài thơ thất ngôn bát cú, bố cục gồm 4 phần là đề, thực, luận, kết thì trong một bài phú, cách sắp đặt các đoạn mạch gồm có 6 phần :
a) Lung : Trình bày tổng quát đầu bài .
b) Biện nguyên : Xác nhận đầu bài, nêu rõ nguyên uỷ gốc tích, giải thích rõ ý của đầu bài mà chuyển vào bài .
c) Thích thực: Mô tả hết ý nghĩa của đầu bài .
d) Phô diễn : Suy rộng ý của đầu bài .
e) Nghị luận : Phê phán, đánh giá, bàn bạc ý nghĩa của đầu bài .
g) Kết : Gói ghém chung ý tứ của đầu bài lại .
**PHÂN TÍCH** :
Như trên đã trình bày, bài phú có nhiều đoạn, mỗi đoạn có nhiều liên, mỗi liên có hai vế đối nhau . Để rõ ràng Meta xin phép không dùng cách chấm câu theo lối văn phạm thông thường là dấu phẩy dùng để ngắt đoạn mà ý vẫn còn tiếp nối sang đoạn sau, dấu chấm dùng để ngắt câu đã trọn ý . Meta đặt ra quy ước chấm câu như sau : Mỗi 1 đoạn trong vế cách nhau bằng dấu phẩy, mỗi vế cách nhau một dấu chấm phẩy và hai vế (tức một liên) thì xuống hàng . Nhắc lại hai vế trong một liên phải đối với nhau . Bằng cách này tuy có chỗ phi lý, chẳng hạn câu :
-Sao rằng gian, sao rằng nịnh, ai muốn hỏi hãy nhìn tiêu trên mả Nguỵ Khôi; Đâu là hoạ, đâu là tai , ai muốn hỏi nên xem bảng tại làng Đa Phước .
Đoạn "Sao rằng gian, sao rằng nịnh" và đoạn "Đâu là hoạ, đâu là tai" phải được đánh dấu hỏi mới hợp lý nhưng Meta chỉ đánh dấu phẩy để cho rõ nó là tiểu đoạn trong vế . Sau dấu chấm phẩy là bắt đầu vế sau, đến khi xuống hàng là hết một liên . Cách chấm câu này làm cho việc phân tích bài phú thêm rõ ràng. Xin đừng bắt lỗi chấm câu theo cách thông thường nhé.
Cũng nhằm việc làm cho rõ ràng, Meta xin đánh số mỗi liên để tiện việc tham khảo. Bài Meta chọn để phân tích là bài Cáo thị Cần Vương, tác giả không rõ. Sơ lược về bối cảnh lịch sử bài phú như sau:
Mùa xuân năm Kỷ Mùi 1859, thực dân Pháp bắt đầu nổ súng xâm lăng nước ta. Đồng bào lục tỉnh miền Nam đang sống an bình bỗng trở nên nghiêm trọng. Cuộc chiến tranh Việt Pháp diễn ra, triều đình phải ký kết nhường ba tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Định Tường cho Pháp. Theo tinh thần bản ký nhượng này, triều đình phải ngưng các cuộc nổi dậy đề kháng của các sĩ phu và dân chúng lại.
Tuy nhiên mặc cho lệnh triều đình, dân ta vẫn nổi lên chống lại. Bài cáo thị Cần Vương ra đời vào khoảng thời gian ấy với nội dung là kêu gọi lòng yêu nước trong nhân dân, nổi lên chống Pháp. Chúng ta chưa biết tác giả là ai, nhưng hẳn tác giả là một bậc sĩ phu miền Nam, kêu gọi đồng bào chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Cùng với nhân dân và đi trước nhân dân, bậc sĩ phu nước ta đã góp phần lớn lao trong công cuộc chống ngoại xâm bền bỉ, liên tục nhiều ngàn năm.
Hãy phân tích bài Cáo thị Cần Vương sau đây:
Cáo thị Cần Vương (Liên vận)
1 - Lời truyền cáo thị; Nói với sĩ phu.
2 - Nước Nam ta có mối xung thù; Cùng giặc Tây là loài di địch.
3 - Bởi chúng nó đem lòng bội nghịch; Khiến dân mình gặp thuở loạn ly.
4 - Chẳng qua là Trời bắt gian nguy; Cho nên nỗi nước nhiều tai nạn.
5 - Đường trị loạn sách xưa còn bản; Lẽ chánh tà đời trước treo gương.
6 - Làm người khôn nghĩ xét cho tường; Thà đứa dại lỗi đường cũng đáng.
7 - Nọ thủa Hung Nô đánh Hán, tướng mạnh như hùm, binh đông như cỏ, cướp ải Lang, dành ải Hổ, tới mãn tuồng Nô cũng về Nô ; Kìa khi Đột Quyết quấy Đường, xe đi chật đất, ngựa tế đầy đồng, phá trấn Bắc, đốt trấn Đông, chừng rã đám Đột hoàn lại Đột.
8 - Xa thơ mới hãy còn lộn một; Phong cương này há để chia ba.
Nay Tây cùng Ta :
9 - Muôn trùng non nước cách xa; Trăm việc ở ăn lạ thói.
10 - Tuy lắm tàu đồng ống khói; Dẫu nhiều súng thiếc đạn chì.
11 - Trải sáu tỉnh qua dẹp cõi biên thuỳ; Hơn trăm trận liền hao ngôi tướng soái.
12 - Đòi xin ba tỉnh , lời nào rằng phải; Bắt hoạ muôn dân, của mấy cho vừa.
13 - Ta hiệp lòng há nhịn thua ư; Mọi lấn chỗ sao đành để vậy.
14 - Ở đâu mà chẳng thấy phá miễu chùa, đào mồ mả, làm những việc bất nhân; Ở đâu mà chẳng thấy đốt nhà cửa, hãm vợ con, làm những điều vô đạo.
Hỡi ơi!
15 - Thành xiêu quách đổ bởi ai gây; Ruộng nát vườn tan do lũ ráo .
16 - Lồng lộng cao xanh, há nỡ để dân ta búng xáo; Mênh mông soi xét, lẽ nào cho chúng nó ăn chơi.
17 - Xưa nay ai mạnh qua Trời; Đâu đó vật đều có chủ.
Ngỏ nay :
18 - Nơi Thần Kinh ấy nơi thiên phú; Đức Kim Thượng là đức Thánh Tông.
19 - Hơn ba mươi tỉnh hội đồng; Dư sáu chục năm huệ dưỡng.
20 - Văn võ hiếm người làm tướng; Man di nhiều nước đến chầu.
21 - Nhớ xưa kia chúng đã cúi đầu; Đến nay lại tay nào trở mặt.
Ớ các tổng làng !
22 - Chớ thấy chín từng hoà nghị mà tấm lòng địch khái vội quên; Chớ rằng ba tỉnh trọn vong mà công cuộc báo cừu nỡ bỏ.
23 - Nhớ mới thuở rèn mác trường, đương nón gỗ, lên đường hăm hở ra oai.
24 - Há buổi nay chạy bạc nén, vén tiền trăm, vào cửa lom khom tạ nó.
25 - Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nọ; Xác nào ra đầu thú hôm nay.
26 - Đã thề nguyền hết sức đánh Tây; Đâu sợ chết cúi mình theo giặc.
27 - Một đường cái há phân nam Bắc; Một tóc tơ nỡ nhuộm xanh vàng.
28 - Đừng cho thày Địch thở than; Chớ để họ Nhạc cay đắng.
29 - Ơn thuỷ thổ thảy đều mang nặng; Việc thần dân chớ khá lỗi nghì.
30 - Cố bảo nhau gắng giữ lòng bền; Đừng nghe chúng ra mà đầu thú.
31 - Chớ thấy Gò Công thất thủ, mà trở mặt hại nhau; Đừng rằng Bến nghér an cư, mà đành lòng theo mọi.
32 - Sao rằng gian, sao rằng nịnh, ai muốn hỏi hãy nhìn tiêu trên mả Nguỵ Khôi; Đâu là hoạ, đâu là tai , ai muốn hỏi nên xem bảng tại làng Đa Phước.
33 - Oan nhường ấy, tình nhường ấy, căm thù nhường ấy, tính sao trả được mới hài; Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, đâu nỡ bỏ đi sao phải.
34 - Dẫu có lỡ sát thời hãy tìm nơi sơn trại mà tụ tập anh hùng, sống vì Vua, thác vì Vua, dốc cùng lòng trước sau chẳng trái ; Dẫu có rủi sa cơ phải xuống dưới tuyền đài cũng phụng thờ hương khói, tên còn chép, họ còn chép, để nức danh thơm rọi sáng hoài.
35 - Chớ để xóm làng cho Bạch Quỷ vãng lai; Chớ để phần mộ cho Tây Dương phá hại.
36 - Khá ra tay mà vùa cột cái; Tua gắng sức chống đỡ tường xiêu.
37 - Để nghìn năm dằng dặc, vững đất Thuấn trời Nghiêu; Ngõ muôn kiếp miên miên, bền sự nghiệp thư son khoán sắt.
38 - Chữ đới thiên bất cộng, nghĩ căm căm ruột tím gan bầm; Câu giữ quốc đồng ưu, phải khăng khăng lòng ghi dạ tạc.
ooOoo
**Bố cục :**
Câu 1 - 4 là Lung , trình bày tổng quát đề bài.
Câu 5 - 8 là Biện nguyên, xác nhận đầu bài, nêu rõ nguyên uỷ gốc tích, giải thích rõ ý của đầu bài mà chuyển vào bài.
Câu 9 - 14 là thích thực: Mô tả hết ý nghĩa của đầu bài.
Câu 15 - 21 là phô diễn : Suy rộng ý của đầu bài.
Câu 22 - 36 là nghị luận : Phê phán, đánh giá, bàn bạc ý nghĩa của đầu bài.
Câu 37 - 38 Kết : Gói ghém chung ý tứ của đầu bài lại.
**Gieo vần :**
Ta thấy mỗi một câu (tức một liên, chia theo cách Meta) gồm hai vế đối với nhau chặt chẽ . Cách gieo vần thì chữ cuối một câu (gọi là chữ đậu câu ), nếu là vần trắc, sẽ bắt vần với chữ cuối , vần trắc của vế trước giữa câu kế. Chữ cuối câu kế là vần bằng, bắt với vần bằng chữ cuối vế trước của câu kế tiếp. Cứ như thế đến hết bài. Ví dụ:
-Mặt đâu tới lãnh bằng ngày nọ; Xác nào ra đầu thú hôm "nay".
-Đã thề nguyền hết sức đánh "Tây"; Đâu sợ chết cúi mình theo "giặc".
-Một đường cái há phân nam "Bắc"; Một tóc tơ nỡ nhuộm xanh "vàng".
-Đừng cho thày Địch thở "than"; Chớ để họ Nhạc cay đắng.
Chữ "vàng" ở cuối câu lại bắt vần bằng với chữ đậu câu của câu kế, chữ "than". Lối gieo vận này gọi là liên vận.
Phép đặt câu :
Câu 1 đặt câu theo lối tứ tự , mỗi vế 4 chữ.
Câu 2 - 6 đặt câu theo lối song quan, mỗi vế có từ 5 đến 9 chữ đi liền một mạch.
Câu 7 đặt câu theo lối hạc tất . Mỗi vế có từ 3 đoạn trở lên, dài ngắn khác nhau.
Câu 8 - 11 là song quan.
Câu 12 đặt câu theo lối bát tự, mỗi vế có 8 chữ chia thành hai đoạn bằng nhau , mỗi đoạn 4 chữ.
Câu 13 theo lối song quan.
Câu 14 hạc tất.
Câu 15 là song quan.
Câu 16 đặt theo lối cách cú , mỗi vế chia làm hai đoạn dài ngắn khác nhau.
Meta chỉ liệt kê từ câu 1 tơi câu 16 thôi. Tới đây hẳn bạn đọc phân biệt được phép đặt câu theo lối gì từ câu 17 cho đến hết bài rồi. Xin miễn nói thêm về lối đặt câu để tránh dài dòng.
ooOoo
Dẫu biết chép một bài phú nữa thì quá dài dòng, nhưng để bạn đọc biết về độc vận, Meta xin phép chép một bài nữa, dùng độc vận .
Phú Gia Định thất thủ ( độc vận)
Thương thay đất Gia định!
Tiếc thay đất Gia Định!
Vực hoá nên cồn; Đất bằng nổi sóng.
Tàu khói chạy mây tuôn sông mấy khúc, lờ lạt bến trâu ; Dây thép giăng nhấp nhoáng đất ngàn trùng, ngã xiêu thành Phụng.
Bờ cõi phân chia khác mặt, trông ra như quáng như mờ; Non sông dời đổi hoạ mi, tưởng tới dường mê dường mộng.
Lớp cũ tàn, lớp mới mọc, dọc ngang xe ngựa đất gò bằng; Dấu trước lấp, dấu sau bồi, tan nát chợ nhà Trời dậy sấm.
Inh ỏi súng rền kinh cửa Bắc, hãi hùng trăm họ dứt âu ca; Tò le kèn thổi tối Trời nam, man mác năm canh không tiếng trống.
Hào kiệt tìm phương lánh mặt, sa cơ gió hạc lúc hư kinh (1); Anh hùng kiếm chốn ẩn thân, sút thế nước cờ thêm lúng túng.
Từ Bến Thành trải qua Chợ Đũi loài tinh chiên (2) loạn xạ biết bao nhiêu; Nơi Chợ Lớn sấp đến Cầu Kho, quân mọi rợ lẫy lừng nên quá lắm.
Cầu Thị Nghè cùng nơi Chợ Quán, quân tham tàn đắc ý vênh râu; Chùa Cẩm Thảo trải tới Cây mai, Phật Bồ Tát chịu nghèo ôm bụng.
Nơi nơi nổi xóm mới nhà Tây; Chốn chốn lập đồn canh ụ súng.
Ngậm ngùi thay ba bốn làng Gò Vấp, cây cỏ khô , thân thế đều khô ; Bát ngát nhỉ mười tám thôn Vườn Trầu, hoa trái rụng, người đời cũng rụng.
Mấy dặm Gò Đen, Rạch Kiến, ngọn lửa thiêu sự nghiệp tan tành; Đòi nơi Rạch Giá, Gò Công, trận gió quét cửa nhà trống lỗng.
Tiếng kêu oan, oan này bởi nước, hồn nhân dân biết dựa vào đâu; Thân liều thác, thác cũng vì vua, xương nghĩa sĩ chất đà nên đống.
Sông núi đào, mồ xiêu mả lạc, thương thay người thác chẳng yên phần; Đường sá đắp, cửa nát nhà tan, cực bấy kẻ còn khôn nỗi sống.
Sau trước vầy đoàn bạch Quỷ, dân ta đòi bữa đòi suy; Đêm ngày ỏi tiếng Lang Sa, thế nó càng ngày càng lộng.
Cờ Thành Thang sao không thấy phất, bỏ liều con đỏ chông gai; Áo Võ Vương sao chẳng thấy gầy, nỡ để dân đen bùn lấm.
Đầu Trung nguyên tóc hỡi còn dài, ơn này nhờ có Bá, học Xuân Thu xin chớ kiếm Hoàn Công; Tay tả nhẵm3) áo kia khỏi mặc, việc ấy bởi vì ai, đọc Luận ngữ cớ sao chê Quản Trọng.
Bóng xế dậm ngàn mây man mác, nước non này ai thấy cũng buồn; Trời chiều chim chóc nhẩy lăng xăng, tình cảnh ấy lòng nào chẳng động.
Ta nay nhân cảm với cuộc đời, Vậy nên tả một vài ngẫu vận.
ooOoo
(1) Tức là nghe gió thổi, chim hạc kêu mà phập phồng lo sợ tưởng như giặc tràn đến nơi . Tích Bồ Kiên, vua nhà Tần trước khi bị quân nhà Tấn đuổi đánh, quân sĩ tới đâu nghe tiếng gió thổi, chim hạc kêu cũng giật mình tưởng quân nhà Tấn đã tới.
(2) Tinh chiên là hôi tanh . Chỉ bọn cướp nước.
(3) Tả nhẫm là khép vạt áo sang bên trái, tục mọi rợ. Khổng Tử nói : "Không có Quản Trọng thì chúng ta khép vạt áo sang bên trái hết ". Nghĩa là không có Quản Trọng thì phong hoá suy đồi, văn minh thành mọi rợ ngay.
Bài này dùng chỉ một vần "ộng" hay "ụng", âm trắc. Không cần bắt yêu vận với chữ cuối của vế trước ở giữa câu kế.
Tới đây chúng ta có thể sang phần Văn Tế, cuối cùng là Kiều Lẩy.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Long Nguyễn Meta
VNthuquan - thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 8 tháng 7 năm 2006